

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng
Dự án: Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Biên bản họp liên ngành ngày 31/01/2023 về việc thông qua và cho ý kiến thống nhất phương án quy hoạch, thiết kế, GPMB, đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 327/TTr-SVHTT ngày 03/3/2023; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 47/BC-SKHĐT ngày 03/3/2023 và Báo cáo số 92/BC-SKHĐT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Ông Lê Đại Cang (1771 – 1849), còn gọi là Lê Đại Cương tự là Thống Thiện, hiệu Kỳ Phong, tiểu hiệu là Thường Chánh thị. Ông quê làng Phú Nhơn, huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn (nay là thôn Luật Chánh, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định). Ông là một bậc đại trí, đại dũng, đại tài mà cuộc đời sự nghiệp của ông là một tấm gương đẹp về một danh thần nhiều công tích, một “nhân kiệt” của “địa linh” Bình Định. Với nhân cách của bậc quốc sĩ, ông không chỉ là niềm tự hào của bao người mà còn là cảm hứng cho những tác phẩm văn chương, sân khấu. Từ ý nghĩa lịch sử trên, UBND tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh “DI TÍCH LỊCH SỬ: MỘ LÊ ĐẠI CANG” thuộc xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tại Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 27/9/2013. Hiện nay, các hạng mục của khu di tích đã xuống cấp nặng. Vì vậy, với ý nghĩa và thực trạng di tích, việc đầu tư tu bổ, phục hồi, tôn tạo, chỉnh trang hạ tầng cảnh quan không gian di tích nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp, đồng thời tạo không gian cảnh quan môi trường xung quanh di tích sạch sẽ, trang nghiêm góp phần giữ gìn bảo quản và phát huy giá trị di tích. Sau khi di tích hoàn thiện cũng là điểm đến của công chúng và du khách đến tham quan, cúng viếng, nghiên cứu giúp con cháu thế hệ hôm nay và mai sau hiểu biết về ý nghĩa lịch sử, về một đại danh thần có nhiều công trạng, một danh nhân tiêu biểu của quê hương Bình Định.

2. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Phần tôn tạo Mộ Cụ Lê Đại Cang: Diện tích khoảng 110 m².

- *Phần hiện trạng:* Lốp sơn hiện trạng bám đầy rong rêu, lốp vừa hiện trạng một số nơi đã bị bong tróc, nứt nẻ; Nền khuôn viên mộ lát vừa xi măng đã bị xuống cấp, nứt nẻ; Khuôn viên mộ mọc nhiều cây dại.

- *Phần tu bổ, tôn tạo:*

+ Tu bổ, tô trát một số nơi đã bị bong tróc, sơn quét lại màu toàn bộ ngôi mộ;

+ Tu bổ, tôn tạo, phục hồi lại hoa văn họa tiết, câu chữ đã bị phai mờ, bong tróc theo thời gian.

+ Nền mộ lát lốp vừa xi măng.

+ Phát quang cây dại, thu dọn vệ sinh rác thải, xả bồn trong khuôn viên.

b) Phần tôn tạo Mộ Vợ Cụ Lê Đại Cang Quận Chúa Ngọc Phiên (Đệ nhị phu nhân cụ Lê Đại Cang): Diện tích khoảng 40m².

- *Phần hiện trạng:* Lốp sơn hiện trạng bám đầy rong rêu, lốp vừa hiện trạng một số nơi đã bị bong tróc, nứt nẻ; Nền khuôn viên mộ lát vừa xi măng đã bị xuống cấp, nứt nẻ; Khuôn viên mộ mọc nhiều cây dại.

- *Phần tôn tạo:*

+ Trát lại lốp vừa xi măng mới cho một số nơi đã bị bong tróc, quét lại nước xi măng mới cho toàn bộ mộ.

- + Phục chế lại hoa văn đã bị phai mờ theo thời gian.
- + Nền mộ lát lớp vừa xi măng mới.
- + Phát quan cây đại trong khuôn viên mộ.

c) Phần cải táng mộ bà Phạm Thị Đoan (Đệ nhất phu nhân cụ Lê Đại Cang)

- Hiện trạng mộ bà Phạm Thị Đoan đang ở phía sau mộ của cụ Lê Đại Cang và bà Quận Chúa Ngọc Phiên. Thiết kế mới cải táng mộ bà Phạm Thị Đoan đưa lên nằm bên cạnh mộ cụ Lê Đại Cang.

- Sau khi cải táng mộ Đệ nhất phu nhân an vị bên cạnh cụ, xây mới mộ theo mô hình theo kiến trúc của mộ bà Quận Chúa Ngọc Phiên.

d) Phần tôn tạo hương án và am thờ hiện trạng

- Hương án (sập cúng) khoảng: 19m²:

+ Hiện trạng nền sập cúng được làm bằng đá ong, hiện nay xuống cấp, xập xệ, hoa văn phù điêu phai mờ, khuyết mất một số chỗ.

+ Tu bổ, tôn tạo sập cúng: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi lại sập cúng bằng đá ong đảm bảo độ ổn định, thẩm mỹ.

- Am thờ: 02 am thờ, diện tích 01 am thờ khoảng: 2m², am thờ giữ nguyên lại kiến trúc hiện trạng, trát tu bổ lại lớp vữa xi măng một số nơi đã bị bong tróc, cao bỏ lớp sơn và sơn phục hồi lại lớp sơn đã xuống cấp.

e) Phần tường rào, cổng ngõ

- Phần hiện trạng: Xuống cấp, xập xệ, hoen ố, bong tróc nhiều vị trí.

- Phần xây dựng, tu bổ, tôn tạo:

+ Giữ lại cổng phụ và đoạn tường rào phía sau khu mộ của dòng họ cụ Lê Đại Cang.

+ Phần tường rào nằm ở mặt trước và 2 bên mộ cụ Lê Đại Cang và Phu Nhân tiến hành tháo dỡ (Chiều dài khoảng 61m).

+ Giữ lại 02 trụ cổng hiện trạng của mộ cụ Lê Đại Cang.

+ Làm lại tường rào mới mặt trước, 2 bên và mặt sau của khu mộ cụ Lê Đại Cang và Phu Nhân tạo thành khu riêng biệt thờ cúng mộ cụ Lê Đại Cang và Phu Nhân, nhằm phục vụ tốt nhất cho công chúng thể đến dâng hương, tham quan di tích. Chiều dài khoảng: 195m.

- Tu bổ, tôn tạo tường rào mặt trước khu mộ bằng đá ong, trát vữa, sơn hoàn thiện. Tường rào cao 1,2m so với nền sân hoàn thiện

- Tu bổ, tôn tạo tường rào mặt sau và mặt bên giáp với mương khu mộ bằng đá ong, trát vữa, sơn hoàn thiện. Tường rào cao 2,5m so với nền sân hoàn thiện.

- Tường rào mặt bên giáp với đường bê tông nhựa xây gạch, kết hợp với

dùng lam bê tông cốt thép trang trí, sơn hoàn thiện. Tường rào cao 1,55 m so với nền sân hoàn thiện.

- Hai trụ cổng chính hiện trạng đã bị nghiêng: Tu bổ và xử lý, khắc phục để trụ cổng không bị nghiêng, sơn hoàn thiện.

- Trụ tường rào: Kiến trúc như trụ cổng hiện trạng nhưng làm cách điệu và kích nhỏ lại.

- Lối vào khu di tích (phía đông tiếp giáp bãi đậu xe): Mở rộng 5,5m.

f) Phần nhà vệ sinh giả sơn (làm mới)

- Diện tích xây dựng khoảng: 11m² (bao gồm cả phần non bộ giả sơn).

- Chiều cao nhà vệ sinh khoảng: 4m.

- Giải pháp thiết kế: kết cấu bê tông cốt thép bao gồm: móng đơn bê tông cốt thép, dầm, cột, sàn bê tông cốt thép; đắp vữa xi măng tạo hình giả sơn.

g) Sân đường nội bộ trong khu mộ

- Diện tích khoảng: 1200m².

- Sân đường nội bộ lát đá sa thạch.

- Kết cấu sân: Sân đổ bê tông đá 2x4 cấp độ bền B15 dày 100mm (mác 200).

h) Sân phía trước 02 trụ cổng hiện trạng

- Diện tích khoảng: 550m².

- Sân đổ bê tông cắt ron.

- Kết cấu sân: Sân đổ bê tông đá 2x4 cấp độ bền B15 dày 100mm (mác 200).

- Phía trước làm hàng rào cây thấp, trồng cây cau ta.

i) Bãi đậu xe: (Phía trước tường rào giáp với đường bê tông nhựa)

- Diện tích khoảng: 530m².

- Kết cấu bãi đậu xe: Bãi đậu xe đổ bê tông đá 1x2 cấp độ bền B20 dày 200mm (mác 250).

- Bãi đậu xe đổ bê tông cắt ron.

k) Cảnh quan trong khuôn viên khu mộ

- Giữ lại và tu bổ, chăm sóc cây sung cổ bên Miếu Tây.

- Giữ lại và tu bổ, chăm sóc 02 cây sứ phía trước mộ cụ Lê Đại Càng.

- Trồng cây sứ đại, cây xoài, thảm cỏ để tạo cảnh quan hài hòa trong khuôn viên mộ.

l) Tẩm bia di tích làm mới

- Tháo dỡ tẩm bia di tích hiện trạng.

- Diện tích khoảng: 1m2, cao khoảng 2,85m.
- Tấm bia di tích được làm theo kiến trúc thời nhà Nguyễn, chạm khắc hoa văn hồ phù, rồng cuộn, toàn bộ tấm bia làm bằng đá xanh thanh hóa toàn khối.
- Nội dung trên tấm bia giữ nguyên nội dung của tấm bia hiện trạng của khu mộ.

m) Kè chắn đất làm mới: Để chống sạt lở đất, chiều dài kè khoảng 85m. Kết cấu kè: Bao gồm dầm chân mái, dầm đỉnh mái, dầm mái bằng bê tông cốt thép, mái kè đổ bê tông. Cao độ đỉnh kè trùng với cao độ của nền sân bê tông hoàn thiện.

n) Phần nước: Nguồn nước lấy từ nguồn nước máy hiện có của xã Phước Hiệp, tuyến ống chạy song song với đường bê tông nhựa phía trước để cung cấp nước tới khu vệ sinh, cây trồng trong khu di tích.

o) Phần điện: Lắp hệ thống trụ và đặt đèn năng lượng mặt trời.

(Về chi tiết quy mô đầu tư dự án sẽ được cụ thể hoá ở bước lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định).

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư: 4.599.544.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	2.880.800.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	99.272.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	243.859.000 đồng
- Chi phí khác	:	28.054.000 đồng
- Chi phí Giải phóng mặt bằng	:	1.250.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	97.559.000 đồng

5. Về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án:

5.1. Nguồn vốn để thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý.

5.2. Khả năng cân đối vốn: Tại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ dự án 4,6 tỷ đồng.

6. Địa điểm xây dựng: xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ

quan, đơn vị liên quan triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm phối hợp, triển khai các nhiệm vụ, phần việc có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. UBND huyện Tuy Phước chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai lập, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng sạch cho Sở Văn hóa và Thể thao triển khai dự án theo đúng tiến độ quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Sở Văn hóa và Thể thao, UBND huyện Tuy Phước và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, báo cáo UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K1

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN ĐẦU TƯ

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	LÀM TRÒN SỐ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ GPMB	Tạm tính			1.250.000.000	1.250.000.000	
1	KINH PHÍ XÂY DỰNG	$G_{XD}=G_{zxd}+G_{ztb}$	2.618.909.091	261.890.909	2.880.800.000	2.880.800.000	G_{XD}
1	TU BỒ, TÔN TẠO, PHỤC HỒI	G_{xd1}	480.000.000	48.000.000	528.000.000		
2	TƯỜNG RÀO, CÔNG NGÕ, SÂN KHUÔN VIÊN, BÃI ĐẬU XE, CẢNH QUANG	G_{xd2}	2.138.909.091	213.890.909	2.352.800.000		
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	G_{tb}					G_{tb}
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	$(G_{zxd}+G_{ztb})*3,446\%$	90.247.607	9.024.761	99.272.368	99.272.000	G_{QLDA}
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	$TV1+...+TV11$	221.690.655	22.169.065	243.859.720	243.859.000	G_{TV}
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	$(G_{zxd}+G_{ztb})*4,748\%$	124.345.804	12.434.580	136.780.384		$TV1$
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$G_{zxd}*3,285\%$	86.031.164	8.603.116	94.634.280		$TV3$
3	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	$G_{zxd}*0,432\%$	11.313.687	1.131.369	12.445.056		$TV6$
V	CHI PHÍ KHÁC	$HMC+K1+...+K11$	27.844.896	209.513	28.054.408	28.054.000	G_K
1	Chi phí bảo hiểm xây lắp (TT 329/2016/TT-BTC)	$G_{zxd}*0,08\%$	2.095.127	209.513	2.304.640		$K1$
2	Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	$(G_{zxd}+G_{tb})*0,019\%$	497.593		497.593		$K2$
3	Thẩm định HSMT xây lắp (NĐ 63/2014/NĐ-CP)	$G_{zxd}*0,05\%$ (Tối thiểu 1.000.000đ)	1.440.400		1.440.400		$K4$
4	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (NĐ 63/2014/NĐ-CP)	$G_{zxd}*0,05\%$ (Tối thiểu 1.000.000đ)	1.440.400		1.440.400		$K6$
5	Chi phí HĐTV giải quyết khiếu nại trong đấu thầu xây lắp (NĐ 63/2014/NĐ-CP)	$G_{zxd}*0,02\%$ (Tối thiểu 1.000.000đ)	1.000.000		1.000.000		$K8$

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	LÀM TRÒN SỐ	KÝ HIỆU
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (TT 10/2020/TT-BTC)	TMĐT*0,57%	21.371.376		21.371.376		K10
VI	DỰ PHÒNG CHI		-	-	97.559.595	97.559.000	G_{DP}
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(Gxd+Gda+Gtv+Gk)*3%	88.690.541	8.869.054	97.559.595		G_{DP1}
VII	TỔNG CỘNG	I+...+V			3.349.546.091		V_{TM}
	TỔNG CỘNG LÀM TRÒN BAO GỒM CHI PHÍ GPMB				4.599.546.000	4.599.544.000	